TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-PT
Ngày 31 - 7 - 2017
V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Do Bản án sơ thẩm số 17/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hồng C, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp 4, Xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Lư Thị Y, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp 4, Xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lư Thị Y, sinh năm 1960.

(Ông C và bà Y có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Hồng C trình bày: Ngày 02/10/2007 (âm lịch), thời điểm ông C và bà Lư Thị Y chưa ly hôn thì ông bà đã nhận cố đất của vợ chồng Trương Văn U và Lê Hữu D (tên gọi khác là V) 06 công đất bằng 02 lượng vàng 24K, thời gian cố là 02 năm; sau khi cố đất ông và bà Y thỏa thuận cho vợ chồng ông U, bà D thuê lại phần đất này canh tác, mỗi năm đóng lời 6.000.000 đồng.

Do đến hạn chuộc đất vợ chồng ông U, bà D không có vàng chuộc lại đất nên vẫn tiếp tục hợp đồng cố và cho thuê đất đến khi nào ông U, bà D có khả năng thì chuộc lại đất. Thời điểm ông và bà Y ly hôn, do vợ chồng ông U, bà D chưa chuộc lại đất, nên ông C chưa yêu cầu giải quyết chia tài sản đối với số vàng cố đất và tiền cho thuê đất. Sau này nghe ông U, bà D nói lại là đã chuộc lại đất từ bà Y, nên ông C mới tranh chấp với bà Y. Nay ông C yêu cầu chia đôi số vàng chuộc đất là 02 lượng vàng 24K và số tiền cho thuê đất là 51.000.000 đồng với bà Lư Thị Y do hiện nay bà Y là người quản lý số vàng và tiền này.

Bị đơn bà Lư Thị Y trình bày: Bà Y thống nhất với ý kiến trình bày của ông Phạm Hồng C về giao dịch cố đất và cho thuê đất giữa bà và ông C với vợ chồng ông Trương Văn U, bà Lê Hữu D. Tuy nhiên, bà Y xác định năm 2009, ông U và bà D đã trả vàng cố đất và tiền cho thuê đất cho bà và ông C xong, số vàng cố đất và tiền cho thuê đất đã sử dụng chung cho gia đình, đã sử dụng hết, nên khi ly hôn bà và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giao dịch này.

Sau khi ly hôn với ông C, ngày 10/12/2011 (âm lịch) bà Y có nhận cố lại đất của ông U, bà D 06 công đất nêu trên với giá 02 lượng vàng 24K và bà Y có cho ông U, bà D thuê lại phần đất này sử dụng trong 01 năm với giá là 6.000.000 đồng, khi cố đất có làm giấy cố đất nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Hết thời hạn cố đất, bà Y có yêu cầu ông U, bà D chuộc lại đất, nhưng ông U, bà D không chuộc lại đất, nên khoảng 06 tháng sau ngày hợp đồng cố đất hết hạn bà Y có đến gặp Trưởng ấp 4 là ông Nguyễn Văn H và Phó Chủ tịch Xã T là ông Lê Trường K xác nhận vào giấy cố đất, lúc đi có ông U đi cùng. Đến ngày 07/6/2016 (âm lịch) bà Y đã cho ông U, bà D chuộc lại đất, đồng thời bà Y đã nhận từ bà D 02 lượng vàng 24K và 27.000.000 đồng tiền thuê đất. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà Y có cung cấp đơn xin xác nhận ngày 15/10/2016 thể hiện bà Y có đến yêu cầu ông H và ông K xác nhận lại là vào khoảng năm 2011 đến năm 2013 ông H và ông K có xác nhận vào giấy cố đất do bà Y mang đến. Bà Y không đồng ý theo yêu cầu của ông C vì bà cho rằng 02 lượng vàng 24K và tiền cho thuê đất mà bà nhận từ ông U, bà D là giao dịch xác lập bằng tài sản riêng của bà.

Từ nội dung trên tại bản án số 17/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 246, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng C, chia cho ông C và bà Lư Thị Y mỗi người được hưởng tài sản chung là 01 lượng vàng 24K và 18.483.000 đồng. Bà Y là người quản lý tài sản chung, nên buộc bà Y giao trả cho ông C 01 lượng vàng 24K và số tiền 18.483.000 đồng, bà Y được hưởng quyền sở hữu 01 lượng vàng 24K và 18.483.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án, điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 14 tháng 4 năm 2017, bị đơn là bà Lư Thị Y có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 03 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, bác đơn khởi kiện của ông Phạm Hồng C, đưa bà Phạm Thoại M và ông Phạm Văn T tham gia vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lư Thị Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Kiểm sát V tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lư Thị Y, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến tranh luận của các đương sự; sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát V tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử, nhận định:

[2] Năm 2011, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã giải quyết vụ án ly hôn giữa ông C, bà Y và đã phân chia tài sản. Tuy nhiên, tại thời điểm này còn 06 công đất nhận cầm cố của vợ chồng ông U, bà D chưa phân chia nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[3] Xét kháng cáo của bà Y về tài sản: Ông Phạm Hồng C, bà Lư Thị Y, ông Trương Văn U và bà Lê Hữu D (V) thống nhất xác định ngày 02/10/2007 (âm lịch) ông U, bà D có cố cho vợ chồng ông C, bà Y 06 công đất với giá 02 lượng vàng 24K, thời gian cố là 02 năm; sau khi nhận cố đất ông C, bà Y cho vợ chồng ông U, bà D thuê lại với giá là 6.000.000 đồng/năm. Theo ông C xác định đến thời hạn chuộc đất vợ chồng ông U, bà D không chuộc; đến ngày 07/6/2016 (âm lịch) vợ chồng ông U, bà D mới chuộc lại 06 công đất, đã giao lại đủ 02

lượng vàng 24K và số tiền thuê đất là 51.000.000 đồng, bà Y là người trực tiếp nhận.

[4] Tuy nhiên, bà Lư Thị Y xác định giao dịch cố đất và cho thuê đất giữa bà, ông C với vợ chồng ông U, bà D đã kết thúc năm 2009, thời điểm này bà và ông C chưa ly hôn, số vàng cố đất và số tiền thuê đất mà vợ chồng ông U, bà D trả bà đã sử dụng hết trong sinh hoạt gia đình. Sau khi ly hôn với ông C, ngày 10/12/2011 (âm lịch) bà có nhận cố lại 06 công đất của vợ chồng ông U, bà D với giá 02 lượng vàng 24K, khi cố đất hai bên có làm giấy tay, sau đó bà cho vợ chồng ông U, bà D thuê lại đất thời hạn 01 năm với giá là 6.000.000 đồng, đến ngày 07/6/2016 (âm lịch) vợ chồng ông U, bà D chuộc lại đất, bà đã nhận từ bà D 02 lượng vàng 24K và 27.000.000 đồng tiền thuê đất. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà Y có cung cấp đơn xin xác nhận ngày 15/10/2016 thể hiện bà có yêu cầu Trưởng ấp 4 là ông Nguyễn Văn H và Phó Chủ tịch Xã T là ông Lê Trung K xác nhận nội dung là khoảng năm 2011 đến năm 2013 ông H và ông K có xác nhận vào giấy cố đất do bà mang đến. Kết quả xác minh, ông H và ông K xác định không rõ nội dung tờ xác nhận do bà Y mang đến. Mặt khác, lời khai của bà Y với ông H và ông K không thống nhất về mặt thời gian xác nhận nên không được xem là chứng cứ để giải quyết theo yêu cầu của bà Y. Hơn nữa, ông U và bà D là người cố đất chỉ thừa nhận cố đất cho bà Y và ông C 01 lần vào ngày 02/10/2007 (âm lịch), không thừa nhận có cố lại đất lần 2 như bà Y trình bày. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số vàng cố đất và số tiền cho thuê đất là tài sản chung của ông C, bà Y chưa chia là phù hợp. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Y yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện của ông C về việc chia tài sản chung.

[5] Xét kháng cáo của bà Lư Thị Y yêu cầu đưa hai người con là Phạm Thoại M và Phạm Văn T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Hội đồng xét xử, xét thấy: Khi giải quyết ly hôn tại bản án sơ thẩm số 01/2011/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện P và tại bản án phúc thẩm số 27/2011/HN-PT ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xác định chị Phạm Thoại M có nghề nghiệp và sống độc lập riêng, không có đóng góp vào tài sản chung của gia đình; anh Phạm Văn T có phụ buôn bán cho gia đình và được trả công là 500.000 đồng/tháng x 10 năm = 60.000.000 đồng. Do đó, chị Phạm Thoại M và anh Phạm Văn T không có đóng góp công sức vào tài sản chung này của ông C và bà Y, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Mỹ và anh Tuấn tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Y.

[6] Từ những căn cứ trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Lư Thị Y, chấp nhận ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm bà Lư Thị Y phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lư Thị Y. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng C đối với bà Lư Thị Y về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn.

- Chia cho ông Phạm Hồng C 01 lượng (10 chỉ) vàng 24K và 18.483.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng). Buộc bà Lư Thị Y giao trả ông Phạm Hồng C 01 lượng (10 chỉ) vàng 24K và 18.483.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

- Chia cho bà Lư Thị Y 01 lượng (10 chỉ) 24K và 18.483.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng). Bà Y đang quản lý tài sản này được tiếp tục quản lý, sử dụng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Phạm Hồng C phải chịu 2.596.000 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng); ông C đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 1.512.000 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002710 ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Ông Phạm Hồng C còn phải nộp tiếp số tiền 1.084.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Bà Lư Thị Y chịu 2.596.000 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng); bà Y nộp số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2.1. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Lư Thị Y chịu 300.000 đồng. Bà Lư Thị Y đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009810 ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Trường hợp bên nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- TCDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P(01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều